

Kính gửi:

- Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao; Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc Học viện Tòa án; Tổng biên tập Báo Công lý; Tổng biên tập Tạp chí Tòa án nhân dân;
- Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP; Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09/01/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2003/TTLT-TANDTC-BTC ngày 08/10/2003 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện về chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp và Hội thẩm Tòa án nhân dân địa phương.

Căn cứ Nghị quyết số 1214/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; giấy chứng minh Thẩm phán, giấy chứng minh Hội thẩm.

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và Công văn số 206/TANDTC - KHTC ngày 09/5/2014 của Tòa án nhân dân tối cao về công tác bảo trì, sửa chữa trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân các cấp.

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán năm 2017 và nhiệm vụ chuyên môn năm 2018 của các đơn vị.

Đề Toà án nhân dân tối cao có cơ sở lập dự toán kinh phí năm 2018 của hệ thống Tòa án nhân dân gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt; Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí năm 2018 theo những nội dung chủ yếu sau:

I. Về chi thường xuyên

Cơ sở tính: Số biên chế được giao, số biên chế có mặt (tính tại thời điểm 01/6/2017) của cán bộ, công chức; tiền lương, các loại phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương; mức lương cơ sở để lập kế hoạch là: 1.300.000 đồng.

II. Về kinh phí đặc thù

1. Chi phục vụ nghiệp vụ xét xử:

Cơ sở tính là số lượng vụ án thụ lý, giải quyết, xét xử, xét xử lưu động. Số lượng án để làm kế hoạch được tính từ 01/10/2015 đến 30/9/2016 (Lưu ý đối chiếu với số liệu đã báo cáo tổng kết năm 2016).

2. Chi tập huấn Hội thẩm nhân dân:

Cơ sở tính là số Hội thẩm nhân dân được duyệt nhiệm kỳ 2016-2021 (có mặt đến 01/6/2017).

3. Kinh phí may sắm trang phục

3.1. Đối với cán bộ, công chức

Cán bộ, công chức đang công tác tại Toà án nhân dân các cấp, trong chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được cấp các loại trang phục sử dụng cho năm 2018 theo niên hạn như sau:

3.1.1. Cán bộ, công chức được tuyển dụng từ 31/12/2003 trở về trước; từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 được cấp:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-----------------------------------|--------------------|-------------|---------|----------|--------------|
| 1 | Áo khoác chống rét | Chiếc | 1.820 | 1 | 1.820 |
| 2 | Quần áo comple | Bộ | 2.548 | 1 | 2.548 |
| 3 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 1 | 641 |
| 4 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 1 | 322 |
| 5 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 1 | 52 |
| 6 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 7 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 5.755 |

3.1.2. Cán bộ, công chức được tuyển dụng từ 01/01/2004 đến 31/12/2004; từ 01/01/2010 đến 31/12/2010; từ 01/01/2012 đến 31/12/2012; từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 được cấp:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-----------------------------------|------------------|-------------|---------|----------|--------------|
| 1 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 1 | 641 |
| 2 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 1 | 322 |
| 3 | Giày da | Đôi | 520 | 1 | 520 |
| 4 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 5 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| 6 | Thắt lưng | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| 7 | Áo mưa | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 2.271 |

3.1.3. Cán bộ, công chức được tuyển dụng từ 01/01/2005 đến 31/12/2005; từ 01/01/2007 đến 31/12/2007; từ 01/01/2009 đến 31/12/2009 từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 từ 01/01/2017 từ 31/12/2017 được cấp:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-----------------------------------|------------------|-------------|---------|----------|--------------|
| 1 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 1 | 641 |
| 2 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 1 | 322 |
| 3 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 4 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 1.335 |

3.1.4. Cán bộ, công chức được tuyển dụng từ 01/01/2006 đến 31/12/2006; từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 được cấp:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-------|-----------------|-------------|---------|----------|------------|
| 1 | Quần áo comple | Bộ | 2.548 | 1 | 2.548 |
| 2 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 1 | 641 |

| | | | | | |
|-----------------------------------|------------------|-------|-----|---|--------------|
| 3 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 1 | 322 |
| 4 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 1 | 52 |
| 5 | Giày da | Đôi | 520 | 1 | 520 |
| 6 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 7 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| 8 | Thắt lưng | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| 9 | Áo mưa | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 4.871 |

3.1.5. Cán bộ, công chức được tuyển dụng từ 01/01/2008 đến 31/12/2008 được cấp:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-----------------------------------|--------------------|-------------|---------|----------|--------------|
| 1 | Áo khoác chống rét | Chiếc | 1.820 | 1 | 1.820 |
| 2 | Quần áo comple | Bộ | 2.548 | 1 | 2.548 |
| 3 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 1 | 641 |
| 4 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 1 | 322 |
| 5 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 1 | 52 |
| 6 | Giày da | Đôi | 520 | 1 | 520 |
| 7 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 8 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| 9 | Thắt lưng | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| 10 | Áo mưa | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 6.691 |

3.1.6. Cán bộ, công chức được tuyển dụng từ 01/01/2011 đến 31/12/2011 được cấp:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-------|----------------|-------------|---------|----------|------------|
| 1 | Quần áo comple | Bộ | 2.548 | 1 | 2.548 |

| | | | | | |
|-----------------------------------|------------------|-------|-----|---|--------------|
| 2 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 1 | 641 |
| 3 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 1 | 322 |
| 4 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 1 | 52 |
| 5 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 6 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 3.935 |

3.1.7. Cán bộ, công chức được tuyển dụng mới trong năm 2018 được cấp trang phục lần đầu như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-----------------------------------|--------------------|-------------|---------|----------|---------------|
| 1 | Áo khoác chống rét | Chiếc | 1.820 | 1 | 1.820 |
| 2 | Quần áo comple | Bộ | 2.548 | 2 | 5.096 |
| 3 | Quần áo xuân hè | Bộ | 641 | 2 | 1.282 |
| 4 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 2 | 644 |
| 5 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 1 | 52 |
| 6 | Giày da | Đôi | 520 | 2 | 1.040 |
| 7 | Dép quai hậu | Đôi | 312 | 1 | 312 |
| 8 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| 9 | Thắt lưng | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| 10 | Áo mưa | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 10.722 |

3.1.8. Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, Chuyên viên được tuyển dụng, tiếp nhận mới hoặc đến niên hạn (03 năm) được cấp thêm 01 cặp đựng tài liệu trị giá 494 nghìn đồng.

3.2. Đối với Thẩm phán

Thẩm phán được bổ nhiệm từ năm 2017 trở về trước và Thẩm phán được bổ nhiệm mới năm 2018 được cấp trang phục năm 2018 như sau:

3.2.1. Lễ phục

a. Thẩm phán là nam giới, được cấp 01 bộ lễ phục với đơn giá 3.500 nghìn đồng/1 bộ;

b. Thẩm phán là nữ giới, được cấp 01 bộ áo dài với đơn giá 2.500 nghìn đồng /1 bộ.

3.2.2. Trang phục xét xử

Thẩm phán được cấp 02 chiếc áo trang phục xét xử/ 01 Thẩm phán, với đơn giá 2.500 nghìn đồng /1 chiếc.

3.2.3. Trang phục làm việc hàng ngày

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|--|--------------------------------------|-------------|---------|----------|---------------|
| 1 | Áo khoác chống rét | Chiếc | 1.820 | 1 | 1.820 |
| 2 | Trang phục thu đông (quần áo comple) | Bộ | 2.548 | 2 | 5.096 |
| 3 | Trang phục xuân hè (quần áo xuân hè) | Bộ | 641 | 2 | 1.282 |
| 4 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 2 | 644 |
| 5 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 2 | 104 |
| 6 | Giày da | Đôi | 520 | 2 | 1.040 |
| 7 | Bít tất | Đôi | 30 | 2 | 60 |
| 8 | Thắt lưng | Chiếc | 208 | 1 | 208 |
| 9 | Cặp đựng tài liệu | Chiếc | 494 | 1 | 494 |
| 10 | Phù hiệu Thẩm phán | Chiếc | 150 | 2 | 300 |
| 11 | Giấy chứng minh Thẩm phán | Chiếc | 20 | 1 | 20 |
| Tổng cộng cho 1 cán bộ, công chức | | | | | 11.068 |

3.2.3 Đối với Hội thẩm nhân dân

Đơn vị căn cứ vào số Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 có mặt đến ngày 01/6/2017 để lập dự toán trang phục. Định mức cho 01 Hội thẩm nhân dân theo niên hạn cho một nhiệm kỳ là 5 năm như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng.

| Số TT | Tên trang phục | Đơn vị tính | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|-------|--------------------------------------|-------------|---------|----------|------------|
| 1 | Trang phục thu đông (quần áo comple) | Bộ | 2.548 | 1 | 2.548 |
| 2 | Trang phục xuân hè (quần áo xuân hè) | Bộ | 641 | 2 | 1.282 |
| 3 | Áo sơ mi dài tay | Chiếc | 322 | 2 | 644 |
| 4 | Cà vạt | Chiếc | 52 | 2 | 104 |

| | | | | | |
|--|-----------------------------------|-------|-----|----|--------------|
| 5 | Giày da | Đôi | 520 | 2 | 1.040 |
| 6 | Bít tất | Đôi | 30 | 10 | 300 |
| 7 | Thắt lưng | Chiếc | 208 | 2 | 416 |
| 8 | Cấp đựng tài liệu | Chiếc | 494 | 1 | 494 |
| 9 | Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân | Chiếc | 20 | 1 | 20 |
| Tổng cộng cho 1 Hội thẩm nhân dân | | | | | 6.848 |

4. Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở năm 2018

Đối với công trình hư hỏng do thiên tai hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác, đơn vị dự toán cấp III lập báo cáo khái toán về nhu cầu bảo trì, sửa chữa trụ sở gửi cho đơn vị dự toán cấp II tổng hợp để gửi về Tòa án nhân dân tối cao.

Về việc lập kinh phí bảo trì, sửa chữa trụ sở theo niên hạn, đơn vị căn cứ vào Hướng dẫn số 206/HD-TANDTC-KHTC ngày 09/5/2014 của Tòa án nhân dân tối cao về công tác bảo trì, sửa chữa trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân các cấp. Các đơn vị dự toán trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm kiểm tra và tổng hợp nhu cầu của các đơn vị theo biểu số 09 -THSC đính kèm Công văn này. Tòa án nhân dân tối cao căn cứ vào đề xuất của đơn vị và niên hạn theo quy định để có kế hoạch kiểm tra, khảo sát thực tế tại đơn vị làm cơ sở để đưa vào kế hoạch sửa chữa, bảo trì trụ sở của hệ thống Tòa án nhân dân theo quy định.

5. Kinh phí lương lái xe cấp huyện theo Đề án “Trang bị phương tiện làm việc của Tòa án nhân dân các cấp giai đoạn III (2014-2018)”.

Cơ sở tính: số biên chế có mặt của lái xe; tiền lương, các loại phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương; mức lương cơ sở để lập kế hoạch là: 1.300.000 đồng (tính tại thời điểm 01/6/2017).

6. Chi đào tạo: Cơ sở tính là số biên chế có mặt, trình độ chuyên môn hiện có, nhu cầu và dự kiến đào tạo, bồi dưỡng năm 2018.

Riêng đối với Học Viện Tòa án khi xây dựng kế hoạch về nội dung này đề nghị đơn vị xây dựng dự toán chi tiết về :

- Đào tạo đại học;

- Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ về các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức dự kiến sẽ thực hiện trong năm 2018.

7. Nội dung khác: Kinh phí thuê trụ sở, kinh phí thi hành án tử hình, kinh phí thừa phát lại . . . các đơn vị căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2017, dự kiến năm 2018 để lập kế hoạch cho phù hợp.

III. Ngoài các nội dung chủ yếu trên khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị:

1. Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao bổ sung thêm một số nội dung chi sau:

- Chi phí công nghệ thông tin: duy trì, vận hành hệ thống công nghệ thông tin của hệ thống Tòa án nhân dân, công thông tin điện tử . . .

- Chi phí in hệ thống sổ báo cáo, thống kê các loại án của hệ thống Tòa án nhân dân (nếu có);

- Chi phí đoàn ra, đoàn vào (chi tiết từng đoàn ra, đoàn vào); chi hội nghị quốc tế (nếu có);

- Chi phí vốn đối ứng;

- Chi phí thi đua khen thưởng;

- Chi phí làm Luật;

- Chi phí tổng kết Luật;

- Chi phí xây dựng các Đề án;

- Chi phí xây dựng Thông tư, Nghị quyết Hội đồng thẩm phán.

- Chi phí khác.

(Có dự toán chi tiết và các văn bản có liên quan đến việc xây dựng kế hoạch kèm theo)

2. Học Viện Toà án

Đề nghị đơn vị gửi Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính 3 năm và phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn này, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo lập dự toán và hướng dẫn các đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có) triển khai thực hiện, đồng thời tổng hợp các nội dung trên báo cáo về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Cục Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 20/6/2017 theo các biểu mẫu đính kèm. Mẫu biểu báo cáo được đăng tải trên Công thông tin điện tử Tòa án Tòa án nhân dân tối cao (đề nghị các đơn vị sử dụng phông chữ: Times New Roman).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đơn vị phản ánh về Toà án nhân dân tối cao (Cục Kế hoạch - Tài chính) để hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Nguyễn Hòa Bình, Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Sơn-Phó Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục KH-TC (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Lưu VP, Cục KHTC.

**TL. CHÁNH ÁN
PHÓ CỤC TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



***Lương Văn Việt**